TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THANH HÓA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 13/6/2019.
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Thu Phương.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Huấn;
Ông Nguyễn Duy Tuyên.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND thành phố Thanh Hoá tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 150/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2019/QĐXX-ST ngày 30 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Hoàng Trọng T - Sinh năm 1975.
Địa chỉ: Khu phố 5, phường B, thị xã B1, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H - Sinh năm 1977.
ĐKHKTT: Xóm 10, xã Q, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.
Hiện đang chấp hành án tại Phân trại số 1, Trại giam số A, Cục B, Bộ Công an, thuộc xã H, huyện T, tỉnh Nghệ An.

Tại phiên tòa có mặt anh T, chị H đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, được bổ sung tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, anh Hoàng Trọng T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Hoàng Trọng T và chị Nguyễn Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện Diễn C, tỉnh Nghệ An vào ngày 25/10/2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2014 thì chị Hà phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và bị Tòa án nhân dân tỉnh T xử phạt 09 năm tù. Hiện nay chị H đang chấp hành án tại Phân trại số 1, Trại giam số A, Cục B, Bộ Công an, thuộc xã H, huyện

T, tỉnh Nghệ An. Thời gian đầu chị H đi chấp hành án anh T cũng có vào thăm chị được vài lần, tuy nhiên từ năm 2016 cho đến nay do bận công việc và tình cảm vợ chồng cũng đã rạn nứt nên anh T không vào thăm, không còn quan tâm đến chị H nữa.

Nay, anh T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

- Về con chung: Anh Trinh khai vợ chồng có 01 con chung là cháu Hoàng Trọng Đ, sinh ngày 21/12/2004. Ly hôn anh xin được nuôi dưỡng cháu Đ và không yêu cầu chị H đóng góp nuôi con chung với anh.

Về tài sản, công nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai, chị Nguyễn Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: chị H có trình bày thống nhất với anh T về thời gian, điều kiện kết hôn của vợ chồng. Từ năm 2015 chị H đi chấp hành án thì anh T không thăm gặp chị. Nay anh T xin ly hôn thì chị có nguyện vọng vợ chồng về đoàn tụ nuôi con, để chị yên tâm cải tạo.

- Về con chung: Chị H trình bày vợ chồng chị có một con chung như anh T trình bày. Nguyện vọng của chị muốn vợ chồng đoàn tụ nên chị không có yêu cầu gì về con chung.

- Về tài sản, công nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Thu thập chứng cứ tại địa phương phản ánh: Quá trình anh Hoàng Trọng Tr và chị Nguyễn Thị H sinh sống tại địa phương không xảy ra mâu thuẫn gì. Năm 2014, chị H phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Từ năm 2015 chị H đi chấp hành án thì anh T và con trai không còn ở địa phương nữa. Nay anh T làm đơn khởi kiện ly hôn chị H, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh T và chị H có một con chung là cháu Hoàng Trọng Đ, sinh ngày 21/12/2004.

Về tài sản, công nợ của anh chị: Địa phương không biết nên không cung cấp được thông tin gì cho Tòa án.

Tại phiên tòa, anh T giữ nguyên yêu cầu ly hôn; về con chung: anh đề nghị Tòa án giao cháu Đ cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung với anh; về tài sản công nợ chung: anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, bị đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Về yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh T, giao cháu Đ cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không phải đóng góp nuôi con chung với anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Đây là tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn. Việc Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn là chị Nguyễn Thị H đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về hôn nhân: Anh T và chị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2014 thì chị H phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, bị Tòa án xử phạt 09 năm tù, hiện nay chị đang chấp hành án tại Phân trại số 1, Trại gian số A, Cục B, Bộ Công an. Hai bên đều xác định trong thời gian chị H đi chấp hành án, từ năm 2016 cho đến nay, anh T không thăm gặp và không quan tâm đến chị H, vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Trong khi chị H đang đi chấp hành án là thời gian chị cần nhận được sự quan tâm, động viên, giúp đỡ của người chồng nhất nhưng anh T đã bỏ mặc chị, không còn thương yêu, chăm sóc chị. Chị H có nguyện vọng vợ chồng quay về đoàn tụ để nuôi con và để chị yên tâm cải tạo nhưng tình cảm vợ chồng của anh T đối với chị không còn, vợ chồng có quay về đoàn tụ thì cũng không hạnh phúc. Hôn nhân giữa anh T và chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của anh T, cho anh được ly hôn chị H.

[4]. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con*:* Anh T và chị H có một con chung là cháu Hoàng Trọng Đ, sinh ngày 21/3/2004. Ly hôn anh T xin được nuôi cháu Đ còn chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung. Việc giao con cho ai nuôi cần xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Xét thấy, chị H hiện nay đang đi chấp hành án, không có thu nhập, không có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con hàng ngày. Anh T là kỹ sư xây dựng, có thu nhập ổn định. Kể từ khi chị H đi chấp hành án cho đến nay, cháu Đ vẫn do anh T nuôi dưỡng và đảm bảo tốt về mọi mặt. Cháu Đ cũng có nguyện vọng xin được ở với bố. Căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, có căn cứ để chấp nhận nguyện vọng của anh T là được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Đ, không yêu cầu chị H đóng góp tiền nuôi con chung với anh.

[5]. Về tài sản, công nợ: Anh T, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]. Về án phí: Anh T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 điều 273, Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 .

Về hôn nhân: Xử cho anh Hoàng Trọng T được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Anh T và chị H có một con chung là cháu Hoàng Trọng Đ, sinh ngày 21/3/2004, ly hôn giao cháu Đ cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không phải đóng góp nuôi con chung với anh T.

Chị H có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản, công nợ: Anh T và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Hoàng Trọng T phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh đã nộp theo biên lai số AA/2017/0006985 ngày 08/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thanh Hóa (anh T đã nộp đủ án phí).

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc ngày niêm yết) bản án./.

Nơi nhận:
- VKSND TP Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP Thanh Hóa;
- UBND D, H. Diễn C, tỉnh Nghệ An;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Đã ký

Trần Thị Thu Phương

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Thu Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Huấn;

Ông Nguyễn Duy Tuyên.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 150/2019/TLST-HS ngày 18 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp ly hôn giữa:

- Nguyên đơn: Hoàng Trọng Trinh - Sinh năm 197.

Địa chỉ: Khu phố 5, phường Ba ĐÌnh, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Hà - Sinh năm 197.

ĐKHKTT: Xóm 10, xã Quảng Đông, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Hiện đang chấp hành án tại Phân trại số 1, Trại gian số 6, Cục C10, Bộ Công an, thuộc xã Hạnh Lâm, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU :

1. Về điều luật**:** Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Về hôn nhân**:** Xử cho anh Hoàng Trọng Trinh được ly hôn chị Nguyễn Thị Hà

Kết quả biểu quyết: 3/3.

3. Về con chung: Anh Trinh và chị Hà có một con chung là cháu Hoàng Trọng Đức, sinh ngày 21/3/2004, ly hôn giao cháu Đức cho anh Trinh trực tiếp nuôi dưỡng, chị Hà không phải đóng góp nuôi con chung với anh Trinh.

Chị Hà có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

4. Về tài sản, công nợ: Anh Trinh, chị Hà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

5. Về án phí: Anh Hoàng Trọng Trinh phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh đã nộp theo biên lai số AA/2017/0006985 ngày 08/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thanh Hóa (anh Trinh đã nộp đủ án phí). .

Kết quả biểu quyết: 3/3.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi.....giờ.....phút, ngày 13 tháng 6 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Duy Tuyên	**Trần Thị Thu Phương**
Nguyễn Xuân Huấn	

TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THANH HÓA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

TP Thanh Hóa, ngày 12 tháng 6 năm 2019

BÁO CÁO GIẢI QUYẾT VỤ ÁN HÔN NHÂN GIA ĐÌNH

Tôi là: Trần Thị Thu Phương; Chức vụ: Thẩm phán.

Được phân công giải quyết, xét xử vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 150/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp ly hôn giữa:

- Nguyên đơn: Hoàng Trọng Trinh - Sinh năm 197.

Địa chỉ: Khu phố 5, phường Ba ĐÌnh, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Hà - Sinh năm 197.

ĐKHKTT: Xóm 10, xã Quảng Đông, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Hiện đang chấp hành án tại Phân trại số 1, Trại gian số 6, Cục C10, Bộ Công an, thuộc xã Hạnh Lâm, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, được bổ sung tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, anh Hoàng Trọng Trinh trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Hoàng Trọng Trinh và chị Nguyễn Thị Hà kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Diễn Minh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An vào ngày 25/10/2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2014 thì chị Hà phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 09 năm tù. Hiện nay chị Hà đang chấp hành án tại Phân trại số 1, Trại gian số 6, Cục C10, Bộ Công an, thuộc xã Hạnh Lâm, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Thời gian chị Hà đi chấp hành án do bận công việc và tình cảm vợ chồng cũng đã rạn nứt nên anh Trinh không vào thăm, không còn quan tâm đến chị Hà.

Nay, anh Trinh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hà.

- Về con chung: Anh Trinh khai vợ chồng có 01 con chung là cháu Hoàng Trọng Đức, sinh ngày 21/12/2004. Ly hôn anh xin được nuôi dưỡng cháu Đức và không yêu cầu chị Hà đóng góp nuôi con chung với anh.

Về tài sản, công nợ chung: Anh Trinh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai, chị Nguyễn Thị Hà trình bày:

- Về hôn nhân: chị Hà có trình bày thống nhất với anh Trinh về thời gian, điều kiện kết hôn của vợ chồng. Từ năm 2015 chị Hà đi chấp hành án thì anh Trinh không thăm gặp chị. Nay anh Hà xin ly hôn thì chị có nguyện vọng vợ chồng đoàn tụ nuôi con, để chị yên tâm cải tạo.

- Về con chung: Chị Hà trình bày vợ chồng chị có một con chung như anh Trinh trình bày. Nguyện vọng của chị muốn đoàn tụ nên chị không có yêu cầu gì về con chung.

- Về tài sản, công nợ chung: Chị Hà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Thu thập chứng cứ tại địa phương phản ánh: Quá trình anh Hoàng Trọng Trinh và chị Nguyễn Thị Hà sinh sống tại địa phương không xảy ra mâu thuẫn gì. Năm 2014, chị Hà phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Từ năm 2015 chị Hà đi chấp hành án thì anh Trinh và con trai không còn ở địa phương nữa. Nay anh Trinh làm đơn khởi kiện ly hôn chị Hà, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh Trinh và chị Hà có một con chung là cháu Hoàng Trọng Đức, sinh ngày 21/12/2004.

Về tài sản, công nợ của anh chị: Địa phương không biết nên không cung cấp được thông tin gì cho Tòa án.

Thẩm phán dự kiến đề xuất giải quyết vụ án:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 .

- Về hôn nhân: Xử cho anh Hoàng Trọng Trinh được ly hôn chị Nguyễn Thị Hà.

- Về con chung: Anh Trinh và chị Hà có một con chung là cháu Hoàng Trọng Đức, sinh ngày 21/3/2004, ly hôn giao cháu Đức cho anh Trinh trực tiếp nuôi dưỡng, chị Hà không phải đóng góp nuôi con chung với anh Trinh.

Chị Hà có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản, công nợ: Anh Trinh, chị Hà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Hoàng Trọng Trinh phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh đã nộp theo biên lai số AA/2017/0006985 ngày 08/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thanh Hóa (anh Trinh đã nộp đủ án phí). .

Ý kiến của lãnh đạo phụ trách: **THẨM PHÁN**

Trần Thị Thu Phương

KẾ HOẠCH XÉT HỎI

1. Phần thủ tục bắt đầu phiên tòa

- Hôm nay, ngày tháng năm, Tòa án nhân dân TP Thanh Hóa mở phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án về tranh chấp ly hôn, thay mặt Hội đồng xét xử tôi tuyên bố khai mạc phiên tòa và đọc quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- Đề nghị mọi người trong Hội trường xét xử ngồi xuống và yêu cầu Thư ký phiên tòa báo cáo về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập, giấy báo của Tòa án và lý do vắng mặt.

- Thay mặt HĐXX tôi kiểm tra lại sự có mặt của những người tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập, giấy báo của Tòa án và **kiểm tra căn cước của đương sự, người tham gia tố tụng khác.**

- Nguyên đơn: khai rõ họ tên, sinh năm, trú tại
- Bị đơn: khai rõ họ tên, sinh năm, trú tại

Chú ý*: Khi có người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa mà không thuộc trường hợp TA phải hoãn phiên tòa thì chủ tọa phiên tòa hỏi xem có ai đề nghị hoãn phiên tòa hay không; nếu có người đề nghị thì HĐXX xem xét, quyết định và có thể chấp nhận hoặc không chấp nhận, nếu không chấp nhận thì phải nêu rõ lý do (Điều 241 BLTTDS).*

- Sau đây tôi thay mặt HĐXX, phổ biến quyền và nghĩa vụ của đương sự và của người tham gia tố tụng khác.

Theo quy định tại Điều 70 BLTTDS: Đương sự có quyền và nghĩa vụ ngang nhau khi tham gia tố tụng. Khi tham gia tố tụng, đương sự có quyền, nghĩa vụ sau đây:

- Tôn trọng Tòa án, chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa;
- Giữ nguyên, thay đổi, bổ sung hoặc rút yêu cầu theo quy định.
- Cung cấp tài liệu, chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.
- Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân đang lưu giữ, quản lý tài liệu, chứng cứ cung cấp tài liệu, chứng cứ đó cho mình;
- Đề nghị TA xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ của vụ việc mà tự mình không thể thực hiện được; đề nghị TA yêu cầu đương sự khác xuất trình tài liệu, chứng cứ mà họ đang giữ; đề nghị TA ra quyết định yêu cầu cơ quan, tổ chức đang lưu giữ, quản lý tài liệu, chứng cứ cung cấp tài liệu, chứng cứ đó; đề nghị TA triệu tập người làm chứng, trưng cầu giám định, quyết định việc định giá tài sản.
- Được biết, ghi chép, sao chụp tài liệu, chứng cứ do đương sự khác xuất trình hoặc do TA thu thập, trừ tài liệu, chứng cứ (trừ tài liệu, chứng cứ liên quan đến bí mật NN, thuần phong mỹ tục của dân tộc, bí mật nghề nghiệp, kinh doanh, cá nhân quy định tại Khoản 2 Điều 109 BLTTDS).
- Tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, tham gia hòa giải do TA tiến hành.
- Nhận thông báo hợp lệ để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
- Tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.
- Yêu cầu thay đổi người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng theo quy định (QĐ thay đổi người tiến hành TT, người giám định, người phiên dịch phải được HĐXX thảo luận, thông qua tại phòng nghị án và lập thành văn bản- Khoản 2 Điều 235 BLTTDS. Trường hợp phải thay đổi thì HĐXX ra Quyết định hoãn phiên tòa, theo Điều 84 BLTTDS).
- Tham gia phiên tòa, phiên họp theo quy định của bộ luật này;
- Phải có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và chấp hành quyết định của Tòa án trong quá trình Tòa án giải quyết vụ việc
- Đề nghị TA đưa người có QLNVLQ tham gia tố tụng.
- Đề nghị TA tạm đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định (QĐ tạm đình chỉ phải được HĐXX thảo luận, thông qua tại phòng nghị án và lập thành văn bản- Khoản 2 Điều 235 BLTTDS).

- Đưa ra câu hỏi với người khác về vấn đề liên quan đến vụ án hoặc đề xuất với TA những vấn đề cần hỏi người khác; được đối chất với nhau hoặc với người làm chứng.

- Tranh luận tại phiên tòa, đưa ra lập luận về đánh giá chứng cứ và pháp luật áp dụng.

- Được cấp trích lục bản án, bản án, quyết định của TA.

- Kháng cáo, khiếu nại bản án, QĐ của TA theo quy định.

- Đề nghị người có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật

- Chấp hành nghiêm chỉnh bản án, QĐ của TA đã có hiệu lực PL.

- Sử dụng quyền của đương sự một cách thiện chí, không được lạm dụng để gây cản trở hoạt động tố tụng của TA, đương sự khác. Trường hợp không thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu hậu quả do Bộ luật này quy định.

- Ngoài ra, nguyên đơn còn có quyền, nghĩa vụ như sau: (Điều 71 BLTTDS):

- Thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

- Chấp nhận hoặc bác bỏ 1 phần hoặc toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn, người có QLNVLQ có yêu cầu độc lập.

- Bị đơn còn có quyền, nghĩa vụ sau: (Điều 72 BLTTDS):

- Được TA thông báo về việc bị khởi kiện.

- Chấp nhận hoặc bác bỏ 1 phần hoặc toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, người có QLNVLQ có yêu cầu độc lập.

- Đưa ra yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn nếu có liên quan đến yêu cầu của nguyên đơn hoặc đề nghị đối trừ với nghĩa vụ của nguyên đơn. Đối với yêu cầu phản tố thì bị đơn có quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn.

- Đưa ra yêu cầu độc lập đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và yêu cầu độc lập này có luên quan đến việc giải quyết vụ án. ĐỐi với yêu cầu độc lập thì bị đơn có quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn quy định tại Điều 71 của Bộ luật này.

- Trường hợp yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập không được Tòa án chấp nhận để giải quyết trong cùng vụ án thì bị đơn có quyền khởi kiện vụ án khác

Thay mặt HĐXX, tôi giới thiệu thành viên của HĐXX, KSV, Thư ký phiên tòa:

- Tôi là Trần Thị Thu Phương - thẩm phán TAND TP Thanh Hóa được phân công làm chủ tọa phiên tòa

- Bên tay phải tôi là ông (bà)……

- Bên tay trái tôi là ông (bà)…….. là 2 HTND TP Thanh Hóa. Ba chúng tôi có quyền quyết định về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác có liên quan trong việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa là bà Nguyễn Thị Lý, Kiểm sát viên.

- Thư ký phiên tòa (bà) Lê Thị Mai, thư ký Tòa án Tòa án thành phố Thanh Hóa.

- Để thực hiện một trong số các quyền của mình, nguyên đơn (bị đơn) có đề nghị thay đổi ai trong số thành viên những người tiến hành tố tụng tôi vừa giới thiệu không?

Kiểm sát viên có đề nghị thay đổi ai trong những người tiến hành tố tụng không?

- Hỏi nguyên đơn: có thay đổi, bổ sung, rút 1 phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện hay không?

- Hỏi bị đơn: có thay đổi, bổ sung, rút 1 phần hoặc toàn bộ yêu cầu phản tố hay không?

II. Kết thúc phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, chuyển sang phần tranh tụng tại phiên tòa:

- **Phần trình bày**: Đề nghị nguyên đơn trình bày yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

- **Thứ tự hỏi**:

+ Hỏi các đương sự có đặt câu hỏi với nhau không sau đó mới hỏi.

+ Về phần xét hỏi các vị HTND có hỏi thêm gì không ? Đại diện VKS có hỏi thêm gì không ?

Các đương sự có yêu cầu hỏi thêm gì không ?

III. Kết thúc phần thủ tục hỏi, chuyển sang phần thủ tục tranh luận tại phiên tòa:

- Yêu cầu nguyên đơn, bị đơn trình bày quan điểm và hỏi các đương sự có tranh luận gì với nhau không .

Chú ý: *Trường hợp vắng mặt 1 trong các đương sự và người tham gia tố tụng khác thì chủ tọa công bố lời khai của họ để trên cơ sở đó các đương sự có mặt tranh luận.*

- Đề nghị Đại diện VKS phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của TP, HĐXX, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

IV: Kết thúc phần tranh luận, chuyển sang phần nghị án. (Điều 264 BLTTDS).

V. Tuyên án.

TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THANH HÓA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 13/6/2019.
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Thu Phương.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Huấn;
Ông Nguyễn Duy Tuyên.

- Thư ký phiên toà*:* Bà Lê Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND thành phố Thanh Hoá tham gia phiên toà*:* Bà Nguyễn Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 150/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2019/QĐXX-ST ngày 30 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Hoàng Trọng Trinh - Sinh năm 1975.
Địa chỉ: Khu phố 5, phường Ba Đình, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Hà - Sinh năm 1977.
ĐKHKTT: Xóm 10, xã Quảng Đông, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.
Hiện đang chấp hành án tại Phân trại số 1, Trại giam số 6, Cục C10, Bộ Công an, thuộc xã Hạnh Lâm, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

Tại phiên tòa có mặt anh Trinh, chị Hà đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, được bổ sung tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, anh Hoàng Trọng Trinh trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Hoàng Trọng Trinh và chị Nguyễn Thị Hà kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Diễn Minh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An vào ngày 25/10/2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2014 thì chị Hà phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 09 năm tù. Hiện nay chị Hà đang chấp hành án tại Phân trại số 1, Trại giam số 6, Cục C10, Bộ Công an, thuộc xã Hạnh Lâm, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Thời gian

đầu chị Hà đi chấp hành án anh Trinh cũng có vào thăm chị được vài lần, tuy nhiên từ năm 2016 cho đến nay do bận công việc và tình cảm vợ chồng cũng đã rạn nứt nên anh Trinh không vào thăm, không còn quan tâm đến chị Hà nữa.

Nay, anh Trinh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hà.

- Về con chung: Anh Trinh khai vợ chồng có 01 con chung là cháu Hoàng Trọng Đức, sinh ngày 21/12/2004. Ly hôn anh xin được nuôi dưỡng cháu Đức và không yêu cầu chị Hà đóng góp nuôi con chung với anh.

Về tài sản, công nợ chung: Anh Trinh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai, chị Nguyễn Thị Hà trình bày:

- Về hôn nhân: chị Hà có trình bày thống nhất với anh Trinh về thời gian, điều kiện kết hôn của vợ chồng. Từ năm 2015 chị Hà đi chấp hành án thì anh Trinh không thăm gặp chị. Nay anh Trinh xin ly hôn thì chị có nguyện vọng vợ chồng về đoàn tụ nuôi con, để chị yên tâm cải tạo.

- Về con chung: Chị Hà trình bày vợ chồng chị có một con chung như anh Trinh trình bày. Nguyện vọng của chị muốn vợ chồng đoàn tụ nên chị không có yêu cầu gì về con chung.

- Về tài sản, công nợ chung: Chị Hà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Thu thập chứng cứ tại địa phương phản ánh: Quá trình anh Hoàng Trọng Trinh và chị Nguyễn Thị Hà sinh sống tại địa phương không xảy ra mâu thuẫn gì. Năm 2014, chị Hà phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Từ năm 2015 chị Hà đi chấp hành án thì anh Trinh và con trai không còn ở địa phương nữa. Nay anh Trinh làm đơn khởi kiện ly hôn chị Hà, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh Trinh và chị Hà có một con chung là cháu Hoàng Trọng Đức, sinh ngày 21/12/2004.

Về tài sản, công nợ của anh chị: Địa phương không biết nên không cung cấp được thông tin gì cho Tòa án.

Tại phiên tòa, anh Trinh giữ nguyên yêu cầu ly hôn; về con chung: anh đề nghị Tòa án giao cháu Đức cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, anh không yêu cầu chị Hà cấp dưỡng tiền nuôi con chung với anh; về tài sản công nợ chung: anh Trinh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, bị đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Về yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Trinh, giao cháu Đức cho anh Trinh trực tiếp nuôi dưỡng, chị Hà không phải đóng góp nuôi con chung với anh Trinh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Đây là tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn. Việc Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn là chị Nguyễn Thị Hà đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về hôn nhân: Anh Trinh và chị Hà kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2014 thì chị Hà phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, bị Tòa án xử phạt 09 năm tù, hiện nay chị đang chấp hành án tại Phân trại số 1, Trại gian số 6, Cục C10, Bộ Công an. Hai bên đều xác định trong thời gian chị Hà đi chấp hành án, từ năm 2016 cho đến nay, anh Trinh không thăm gặp và không quan tâm đến chị Hà, vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Trong khi chị Hà đang đi chấp hành án là thời gian chị cần nhận được sự quan tâm, động viên, giúp đỡ của người chồng nhất nhưng anh Trinh đã bỏ mặc chị, không còn thương yêu, chăm sóc chị. Chị Hà có nguyện vọng vợ chồng quay về đoàn tụ để nuôi con và để chị yên tâm cải tạo nhưng tình cảm vợ chồng của anh Trinh đối với chị không còn, vợ chồng có quay về đoàn tụ thì cũng không hạnh phúc. Hôn nhân giữa anh Trinh và chị Hà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của anh Trinh, cho anh được ly hôn chị Hà.

[4]. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con*:* Anh Trinh và chị Hà có một con chung là cháu Hoàng Trọng Đức, sinh ngày 21/3/2004. Ly hôn anh Trinh xin được nuôi cháu Đức còn chị Hà không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung. Việc giao con cho ai nuôi cần xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Xét thấy, chị Hà hiện nay đang đi chấp hành án, không có thu nhập, không có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con hàng ngày. Anh Trinh là kỹ sư xây dựng, có thu nhập ổn định. Kể từ khi chị Hà đi chấp hành án cho đến nay, cháu Đức vẫn do anh Trinh nuôi dưỡng và đảm bảo tốt về mọi mặt. Cháu Đức cũng có nguyện vọng xin được ở với bố. Căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, có căn cứ để chấp nhận nguyện vọng của anh Trinh là được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Đức, không yêu cầu chị Hà đóng góp tiền nuôi con chung với anh.

[5]. Về tài sản, công nợ: Anh Trinh, chị Hà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]. Về án phí: Anh Trinh phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 điều 273, Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 .

Về hôn nhân: Xử cho anh Hoàng Trọng Trinh được ly hôn chị Nguyễn Thị Hà.

Về con chung: Anh Trinh và chị Hà có một con chung là cháu Hoàng Trọng Đức, sinh ngày 21/3/2004, ly hôn giao cháu Đức cho anh Trinh trực tiếp nuôi dưỡng, chị Hà không phải đóng góp nuôi con chung với anh Trinh.

Chị Hà có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản, công nợ: Anh Trinh và chị Hà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Hoàng Trọng Trinh phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh đã nộp theo biên lai số AA/2017/0006985 ngày 08/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thanh Hóa (anh Trinh đã nộp đủ án phí).

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc ngày niêm yết) bản án./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Nguyễn Xuân Huấn	**Trần Thị Thu Phương**
Nguyễn Duy Tuyên	